

Mẫu CBTT/SGDHCM-02

Appendix CBTT/SGDHCM-02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của
TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)
(Promulgated with the Decision No 340/QĐ-SGDHCM on August 19, 2016 of the Hochiminh Stock
Exchange on Disclosure of Information Regulation on Hochiminh Stock Exchange)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DRH HOLDINGS
DRH HOLDINGS JSC.**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số/No.: 135/2019/DRH-CBTT

TP.HCM, ngày 22 tháng 07 năm 2019
Ho Chi Minh City, Jul 22nd, 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON
THE STATE SECURITIES
COMMISSION'S PORTAL AND
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S
PORTAL**

Kính gửi/ To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức/ *Organization name*: CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS/ *DRH HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY*
- Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: DRH
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: 67, Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TPHCM/ *67, Ham Nghi Street, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, Ho Chi Minh City*
- Điện thoại/ *Telephone*: 028. 3822 3771
- Fax: 028. 3822 3727
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Phan Tấn Đạt
Chức vụ/ *Position*: Đại diện Pháp luật Công ty

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Information disclosure type: Periodic Irregular 24 hours On demand



Nội dung thông tin công bố (*)/ Content of Information disclosure (*):

Công bố thông tin Báo cáo tài chính hợp nhất Q2.2019/ *Disclosure regarding consolidated financial statements Q2.2019.*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 22/07/2019 tại đường dẫn: <http://www.drh.vn>

This information was disclosed on Company's Portal on Jul 22nd 2019 Available at: <http://www.drh.vn>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.



Tài liệu đính kèm/ Attachment:

- Consolidated financial statements Q2.2019
- BCTC hợp nhất Q2.2019

Đại diện tổ chức
Organization representative

Đại diện Pháp luật
Legal Representative



TRẦN HOÀNG ANH

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2019

Tháng 07 năm 2019

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	2 -3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	5- 6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	07 - 22

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/04/19 đến 30/06/19

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2019	Tại 01/01/2019
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,814,842,652,329	1,613,746,407,338
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	60,641,976,246	37,682,973,123
Tiền	111		60,641,976,246	37,682,973,123
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		426,119,997	1,852,720,717
Chứng khoán kinh doanh	121		511,782,713	2,006,027,433
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(85,662,716)	(153,306,716)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		665,739,998,904	653,120,337,865
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	61,062,930,322	53,013,297,573
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		110,376,632,638	157,104,508,749
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	494,300,435,944	443,002,531,543
Hàng tồn kho	140		1,069,129,401,829	896,668,888,190
Hàng tồn kho	141	8	1,069,129,401,829	896,668,888,190
Tài sản ngắn hạn khác	150		18,905,155,353	24,421,487,443
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	1,598,309,301	3,930,301,103
Thuế GTGT được khấu trừ	152		17,306,846,052	20,420,242,061
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	70,944,279
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		633,388,319,854	578,046,661,218
Các khoản phải thu dài hạn	210		1,875,324,000	2,909,160,000
Phải thu dài hạn khác	216	10	1,875,324,000	2,909,160,000
Tài sản cố định	220		1,895,175,551	2,003,345,261
Tài sản cố định hữu hình	221	11	372,708,294	381,885,564
- Nguyên giá	222		1,268,038,317	1,167,478,317
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(895,330,023)	(785,592,753)
Tài sản cố định vô hình	227	12	1,522,467,257	1,621,459,697
- Nguyên giá	228		2,207,506,190	2,057,506,190
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(685,038,933)	(436,046,493)
Tài sản dở dang dài hạn	240	13	3,445,738,929	3,445,738,929
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		3,445,738,929	3,445,738,929
Đầu tư tài chính dài hạn	250	7	525,969,211,041	490,333,468,276
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		525,969,211,041	490,333,468,276
Tài sản dài hạn khác	260	14	100,202,870,333	79,354,948,752
Chi phí trả trước dài hạn	261		97,230,920,044	76,382,998,463
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2,971,950,289	2,971,950,289
TỔNG TÀI SẢN	270		2,448,230,972,183	2,191,793,068,556

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/04/19 đến 30/06/19

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2019	Tại 01/01/2019
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		1,663,645,392,162	1,419,119,515,596
Nợ ngắn hạn	310		1,632,127,528,559	1,384,341,818,998
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	69,944,964,183	13,036,309,751
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		416,842,673,481	114,713,825,183
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	12,564,894,421	9,725,233,292
Phải trả người lao động	314		1,032,013,673	1,623,355,806
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	3,766,721,062	31,353,490,044
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	730,924,764,976	812,544,379,732
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	390,349,033,115	401,293,991,741
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6,702,463,648	51,233,449
Nợ dài hạn	330		31,517,863,603	34,777,696,598
Phải trả dài hạn khác	337	18	118,800,000	118,800,000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	31,399,063,603	34,658,896,598
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		784,585,580,021	772,673,552,960
Vốn chủ sở hữu	410	20	784,585,580,021	772,673,552,960
Vốn góp của chủ sở hữu	411		609,999,330,000	609,999,330,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		609,999,330,000	609,999,330,000
Cổ phiếu ngân quỹ	415		(100,000,000)	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		8,998,760,935	2,423,766,063
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		159,957,850,780	154,525,497,999
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		136,773,011,845	88,775,549,280
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		23,184,838,935	65,749,948,719
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		5,729,638,306	5,724,958,898
TỔNG NGUỒN VỐN	440		2,448,230,972,183	2,191,793,068,556

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2019

Người lập biểu



Phạm Thị Mai Nương

Kế toán trưởng



Lê Thị Thuần



Tổng Giám đốc

Phan Tấn Đạt

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/04/19 đến 30/06/19

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
			VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	15,887,183,715	405,421,679	27,458,161,347	11,586,829,541
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		15,887,183,715	405,421,679	27,458,161,347	11,586,829,541
Giá vốn hàng bán	11	22	5,458,997,954	-	11,420,913,774	849,295,219
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10,428,185,761	405,421,679	16,037,247,573	10,737,534,322
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	99,704,839	4,177,902,704	446,637,852	4,186,572,442
Chi phí tài chính	22	24	12,126,956,823	418,036,510	18,124,073,942	4,197,482,118
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		11,214,035,547	10,191,310,572	16,313,986,917	10,155,550,613
Phần lãi trong công ty liên kết	24		22,514,932,662	16,023,660,632	35,635,742,765	32,756,524,936
Chi phí bán hàng	25		-	4,787,333,437	-	9,867,198,014
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	2,744,618,544	8,356,903,077	8,600,914,169	15,517,589,756
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18,171,247,895	7,044,711,991	25,394,640,079	18,098,361,812
Thu nhập khác	31	26	96,702,994	12,281,274	278,111,291	18,283,177
Chi phí khác	32	26	701,697	412,389,059	105,657,901	1,041,568,585
Lợi nhuận khác	40		96,001,297	(400,107,785)	172,453,390	(1,023,285,408)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18,267,249,192	6,644,604,206	25,567,093,469	17,075,076,404
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2,096,936,940	-	2,377,575,125	701,638,220
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	2,922,977,931
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16,170,312,252	6,644,604,206	23,189,518,344	19,296,416,115
Lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ	61		16,157,322,698	6,804,715,159	23,184,838,935	19,147,037,883
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		12,989,646	(160,110,953)	4,679,409	149,378,232
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	238	125	342	278
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	27	238	125	342	278

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2019

Người lập biểu

Phạm Thị Mai Nương

Kế toán trưởng

Lê Thị Thuần

Tổng Giám đốc



Phan Tấn Đạt

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/04/19 đến 30/06/19

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Quý 2 năm 2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		25,567,093,469	17,075,076,404
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		358,729,710	493,524,524
Các khoản dự phòng	03		(67,644,000)	(9,500,035,672)
Lãi hoạt động đầu tư	05		(446,637,852)	(2,818,679,928)
Chi phí lãi vay	06		16,313,986,917	10,155,550,613
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		41,725,528,244	15,405,435,941
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(44,037,227,516)	35,904,815,408
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(172,460,513,639)	(38,121,812,114)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		251,762,570,647	221,310,120,223
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(18,515,929,779)	(47,458,431,656)
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		1,494,244,720	(3,571,168,800)
Tiền lãi vay đã trả	14		(14,244,317,994)	(10,493,743,051)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5,445,375,682)	(997,841,426)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3,211,262,109)	(4,319,294,934)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		37,067,716,892	167,658,079,591
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(250,560,000)	(188,243,013)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(302,653,261,322)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			27,848,840,000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		446,637,852	10,539,928
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		196,077,852	(274,982,124,407)

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/04/19 đến 30/06/19

Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(100,000,000)	
Tiền thu từ đi vay	33		171,241,202,596	172,396,878,909
Tiền trả nợ gốc vay	34		(185,445,994,217)	(42,921,197,758)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14,304,791,621)	129,475,681,151
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		22,959,003,123	22,151,636,335
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	6	37,682,973,123	34,251,409,681
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	6	60,641,976,246	56,403,046,016

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2019

Người lập biểu



Phạm Thị Mai Nương

Kế toán trưởng



Lê Thị Thuần

Tổng Giám đốc



Phan Tấn Đạt



CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/04/19 đến 30/06/19

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần DRH Holdings, trước đây là Công ty cổ phần Đầu tư Căn nhà Mơ Ước (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh (GCNĐKKD) số 4103004401 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/03/2006, sau đó điều chỉnh thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (GCNĐKDN) số 0304266964 cấp ngày 6/3/2006 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Vốn điều lệ của Công ty là 609.999.330.000 đồng.

Trụ sở giao dịch: 67 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TPHCM

Ngày 13 tháng 07 năm 2010, Công ty đã được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu DRH.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; môi giới bất động sản và đầu tư tài chính.

1.2 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có 03 công ty con trực tiếp và 01 công ty con gián tiếp.

1.3 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính Hợp nhất tại ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 KỲ KẾ TOÁN NĂM

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 ("Thông tư 200") của Bộ Tài chính, thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính, và Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành để lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất cho quý 2 năm 2019.

4. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2019 của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết (gọi chung là Công ty) do Công ty kiểm soát được lập cho đến ngày kết thúc kỳ báo cáo. Việc kiểm soát đạt

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/04/19 đến 30/06/19

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

5.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Từ 01/01/2015, Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, Thông tư 244/2009/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014. Các Thông tư này không yêu cầu Công ty phải thực hiện điều chỉnh hồi tố các ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán.

5.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

5.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

5.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chứng khoán kinh doanh gồm các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm báo cáo (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh phải được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo phương pháp giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty liên kết, liên doanh được ghi giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết trên báo cáo tài chính hợp nhất. Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng phải được điều chỉnh khi lợi ích của nhà đầu tư thay đổi do có sự thay đổi trong vốn chủ sở hữu của công ty liên kết nhưng không được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/04/19 đến 30/06/19

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

5.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý.

Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5.6 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp" và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228.

5.7 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 35
Máy móc, thiết bị	3 – 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 6
Phương tiện vận tải	6 – 8
Cây lâu năm	6

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/04/19 đến 30/06/19

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

5.8 XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

5.9 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

5.10 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP KHÁC

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

5.11 NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc: Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh; Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính tại thời điểm phát sinh.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

5.12 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/04/19 đến 30/06/19

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5.13 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5.14 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: hoạt động bán hàng hóa và hoạt động gia công.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 30/06/2019 VND	Tại 01/01/2019 VND
Tiền mặt	464,599,101	386,340,679
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	60,177,377,145	37,296,632,444
Tổng cộng	60,641,976,246	37,682,973,123

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/04/19 đến 30/06/19

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Cty CP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	Tổng cộng (VND)
Giá trị đầu tư :		
Tại 01/01/2019	380,529,474,422	380,529,474,422
Tại 30/06/2019	380,529,474,422	380,529,474,422
Phản lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết		
Tại 01/01/2019	109,803,993,854	109,803,993,854
Phản lũy kế lợi nhuận công ty liên kết trong kỳ	35,635,742,765	35,635,742,765
Tại 30/06/2019	145,439,736,619	145,439,736,619
Giá trị còn lại :		
Tại 01/01/2019	490,333,468,276	490,333,468,276
Tại 30/06/2019	525,969,211,041	525,969,211,041

8. HÀNG TỒN KHO

	Tại 30/06/2019 VND	Tại 01/01/2019 VND
Bất động sản dở dang	1,069,129,401,829	896,668,888,190
Tổng cộng	1,069,129,401,829	896,668,888,190

9. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 30/06/2019 VND	Tại 01/01/2019 VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	61,062,930,322	53,013,297,573
Tổng cộng	61,062,930,322	53,013,297,573

10. PHẢI THU KHÁC

	Tại 30/06/2019 VND	Tại 01/01/2019 VND
Ngắn hạn	494,300,435,944	443,002,531,543
Dài hạn	1,875,324,000	2,909,160,000
Tổng cộng	496,175,759,944	445,911,691,543

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/04/19 đến 30/06/19

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc thiết bị	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại 01/01/2019	103,832,610	1,063,645,707	1,167,478,317
Tăng trong kỳ	-	100,560,000	100,560,000
Tại 30/06/2019	103,832,610	1,164,205,707	1,268,038,317
Hao mòn lũy kế			
Tại 01/01/2019	103,832,610	681,760,143	785,592,753
Khấu hao trong kỳ	-	109,737,270	109,737,270
Tại 30/06/2019	103,832,610	791,497,413	895,330,023
Giá trị còn lại			
Tại 01/01/2019	-	381,885,564	381,885,564
Tại 30/06/2019	-	372,708,294	372,708,294

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Tại 01/01/2019	2,057,506,190
Tăng trong kỳ	150,000,000
Tại 30/06/2019	2,207,506,190
Hao mòn lũy kế	
Tại 01/01/2019	436,046,493
Khấu hao trong kỳ	248,992,440
Tại 30/06/2019	685,038,933
Giá trị còn lại	
Tại 01/01/2019	1,621,459,697
Tại 30/06/2019	1,522,467,257

13. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	Tại 30/06/2019 VND	Tại 01/01/2019 VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	3.445.738.929	3.445.738.929
Tổng cộng	3.445.738.929	3.445.738.929

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/04/19 đến 30/06/19

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Tại 30/06/2019 VND	Tại 01/01/2019 VND
Ngắn hạn	1,598,309,301	3,930,301,103
Dài hạn	97,230,920,044	76,382,998,463
Tổng cộng	98,829,229,345	80,313,299,566

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 30/06/2019 VND	Tại 01/01/2019 VND
Công ty Cp Socon Việt Nam	3,258,508,425	3,434,685,711
Công ty Cp Xây dựng Nền Móng Jikon	-	1,346,059,513
Công ty TNHH Xây Dựng An Phú Gia	53,739,350,887	-
Cty CP Đầu Tư Phan Vũ	-	6,880,166,700
Công ty CP Dịch vụ BĐS Eximrs	3,253,980,446	-
Phải trả nhà cung cấp khác	9,693,124,425	1,375,397,827
Tổng cộng	69,944,964,183	13,036,309,751

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2019 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Tại 30/06/2019 VND
Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	3,327,182,990	3,478,074,225	5,512,833,630	1,292,423,585
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4,381,253,773	12,061,496,025	5,445,375,682	10,997,374,116
Thuế thu nhập cá nhân	1,665,297,038	2,543,765,016	3,933,965,334	275,096,720
Các khoản phải nộp khác	351,499,491	-	351,499,491	-
Tổng cộng	9,725,233,292	18,083,335,266	15,243,674,137	12,564,894,421

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 30/06/2019 VND	Tại 01/01/2019 VND
Chi phí bán hàng	-	27,199,681,602
Lãi vay	3,556,721,062	3,463,808,442
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	210,000,000	330,000,000
Khác	-	360,000,000
Tổng cộng	3,766,721,062	31,353,490,044

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/04/19 đến 30/06/19

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Tại 30/06/2019	Tại 01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	730,924,764,976	812,544,379,732
Dài hạn	118,800,000	118,800,000
Tổng cộng	731,043,564,976	812,663,179,732

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Tại 30/06/2019	Tăng	Giảm	Tại 01/01/2019
Vay ngắn hạn	390,349,033,115	174,501,035,591	185,445,994,217	401,293,991,741
Vay dài hạn	31,399,063,603	21,938,455,099	25,198,288,094	34,658,896,598
Tổng cộng	421,748,096,718	196,439,490,690	210,644,282,311	435,952,888,339

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/04/19 đến 30/06/19

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU****BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2018	490,000,000,000	-	48,482,061,620	-	7,298,065,118	138,425,420,486	3,919,183,521	688,124,730,745						
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	65,749,948,719	525,058,019	66,275,006,738						
Mua công ty con	-	-	-	-	-	-	1,997,117,358	1,997,117,358						
Trích lập Quỹ KTPL	-	-	-	-	-	(3,635,649,095)	-	(3,635,649,095)						
Trích lập Quỹ ĐTPT	-	-	-	-	2,423,766,063	(2,423,766,063)	-	-						
Trích Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	-	(1,371,252,786)	-	(1,371,252,786)						
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(716,400,000)	(716,400,000)						
Phát hành cổ phiếu thường	97,999,330,000	-	(48,482,061,620)	(7,298,065,118)	(42,219,203,262)	-	-	-						
Phát hành cổ phiếu Esop	22,000,000,000	-	-	-	-	-	-	22,000,000,000						
Tại 31/12/2018	609,999,330,000	-	-	-	2,423,766,063	154,525,497,999	5,724,958,898	772,673,552,960						
Tại 01/01/2019	609,999,330,000	-	-	-	2,423,766,063	154,525,497,999	5,724,958,898	772,673,552,960						
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	23,184,838,935	4,679,408	23,189,518,343						
Trích lập Quỹ ĐTPT	-	-	-	-	6,574,994,872	(6,574,994,872)	-	-						
Trích lập Quỹ KTPL	-	-	-	-	-	(9,862,492,308)	-	(9,862,492,308)						
Trích Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	-	(1,314,998,974)	-	(1,314,998,974)						
Cổ phiếu quỹ trong kỳ	-	(100,000,000)	-	-	-	-	-	(100,000,000)						
Tại 30/06/2019	609,999,330,000	(100,000,000)	-	-	8,998,760,935	159,957,850,780	5,729,638,306	784,585,580,021						

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/04/19 đến 30/06/19

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Tại 01/04/2019- 30/06/2019 VND	Tại 01/04/2018- 30/06/2018 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15,887,183,715	405,421,679
Tổng cộng	15,887,183,715	405,421,679

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Tại 01/04/2019- 30/06/2019 VND	Tại 01/04/2018- 30/06/2018 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	5,458,997,954	-
Tổng cộng	5,458,997,954	-

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Tại 01/04/2019- 30/06/2019 VND	Tại 01/04/2018- 30/06/2018 VND
Lãi tiền gửi	28,023,609	1,344,393
Lãi đầu tư chứng khoán	51,581,230	268,418,311
Lãi chuyển nhượng vốn góp	-	3,908,140,000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	20,100,000	-
Tổng cộng	99,704,839	4,177,902,704

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Tại 01/04/2019- 30/06/2019 VND	Tại 01/04/2018- 30/06/2018 VND
Chi phí lãi vay	11,214,035,547	10,191,310,572
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	(9,914,364,472)
Hoàn nhập dự phòng chứng khoán kinh doanh	(87,165,348)	-
Lỗ do thanh lý chứng khoán kinh doanh	379,704,946	-
Khác	620,381,678	141,090,410
Tổng cộng	12,126,956,823	418,036,510

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/04/19 đến 30/06/19

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Tại 01/04/2019- 30/06/2019	Tại 01/04/2018- 30/06/2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1,844,203,523	4,584,537,175
Chi phí dịch vụ mua ngoài	198,973,952	2,811,746,683
Chi phí khấu hao và hao mòn	701,441,069	153,446,921
Chi phí khác	-	807,172,298
Tổng cộng	2,744,618,544	8,356,903,077

26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Tại 01/04/2019- 30/06/2019	Tại 01/04/2018- 30/06/2018
	VND	VND
Thu nhập khác	96,702,994	12,281,274
Chi phí khác	701,697	412,389,059
Lợi nhuận khác	96,001,297	(400,107,785)

27. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/04/19- 30/06/19	Từ 01/04/18- 30/06/18
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	16,157,322,698	6,804,715,159
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1,615,732,270)	(680,471,516)
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	60,999,933	49,000,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	238	125
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	238	125

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/04/19 đến 30/06/19

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**28. BÁO CÁO BỘ PHẬN****Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Từ 01/04/18-30/06/18

Doanh thu thuần bộ phận

Chi phí bộ phận

Kết quả kinh doanh theo bộ phận

Các chi phí không phân bổ theo bộ phận

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu tài chính

Phần lãi trong công ty liên kết

Chi phí tài chính

Thu nhập khác

Chi phí khác

Lợi nhuận trước thuế

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng tài sản

Tổng nợ phải trả

Doanh thu cung cấp dịch vụ	Doanh thu bán bất động sản	Doanh thu bán hàng	Cộng
VND	VND	VND	VND
405,421,679	-	-	405,421,679
-	-	-	-
405,421,679	-	-	405,421,679
<hr/>			
<hr/>			
(13,144,236,514)			
(12,738,814,835)			
4,177,902,704			
16,023,660,632			
(418,036,510)			
12,281,274			
(412,389,059)			
6,644,604,206			
-			
<hr/>			
<hr/>			
6,644,604,206			
<hr/>			
<hr/>			
1,536,444,266,524			
<hr/>			
<hr/>			
832,510,504,187			
<hr/>			
<hr/>			

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/04/19 đến 30/06/19

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Doanh thu bán bất động sản	Doanh thu bán hàng	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Từ 01/04/19-30/06/19				
Doanh thu thuần bộ phận	15,887,183,715	-	-	15,887,183,715
Chi phí bộ phận	(5,458,997,954)	-	-	(5,458,997,954)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	10,428,185,761	-	-	10,428,185,761
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(2,744,618,544)	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			7,683,567,217	
Doanh thu tài chính			99,704,839	
Phần lãi trong công ty liên kết			22,514,932,662	
Chi phí tài chính			(12,126,956,823)	
Thu nhập khác			96,702,994	
Chi phí khác			(701,697)	
Lợi nhuận trước thuế			18,267,249,192	
Chi phí thuế TNDN hiện hành			(2,096,936,940)	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			16,170,312,252	
Tổng tài sản			2,448,230,972,183	
Tổng nợ phải trả			1,663,645,392,162	

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/04/19 đến 30/06/19

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

	Tại 30/06/2019 VND	Tại 01/01/2019 VND	
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	60,641,976,246	37,682,973,123	
Đầu tư ngắn hạn	426,119,997	1,852,720,717	
Phải thu khách hàng và phải thu khác	393,041,232,904	361,839,407,865	
Tổng cộng	454,109,329,147	401,375,101,705	
Công nợ tài chính			
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	421,748,096,718	435,952,888,339	
Phải trả người bán và phải trả khác	1,218,863,216,313	942,036,670,472	
Chi phí phải trả	3,766,721,062	31,353,490,044	
Tổng cộng	1,644,378,034,093	1,409,343,048,855	
	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Tổng VND
Tại 30/06/2019			
Phải trả người bán và phải trả khác	1,218,744,416,313	118,800,000	1,218,863,216,313
Chi phí phải trả	3,766,721,062	-	3,766,721,062
Vay và nợ thuê tài chính	390,349,033,115	31,399,063,603	421,748,096,718
Cộng	1,612,860,170,490	31,517,863,603	1,644,378,034,093
Tại 01/01/2019			
Phải trả người bán và phải trả khác	941,917,870,472	118,800,000	942,036,670,472
Chi phí phải trả	31,353,490,044	-	31,353,490,044
Vay và nợ thuê tài chính	401,293,991,741	34,658,896,598	435,952,888,339
Cộng	1,374,565,352,257	34,777,696,598	1,409,343,048,855

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/04/19 đến 30/06/19

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại 30/06/2019			
Tiền và các khoản tương đương tiền	60,641,976,246	-	60,641,976,246
Đầu tư ngắn hạn	426,119,997	-	426,119,997
Phải thu khách hàng và phải thu khác	391,165,908,904	1,875,324,000	393,041,232,904
Cộng	452,234,005,147	1,875,324,000	454,109,329,147
Tại 01/01/2019			
Tiền và các khoản tương đương tiền	37,682,973,123	-	37,682,973,123
Đầu tư ngắn hạn	1,852,720,717	-	1,852,720,717
Phải thu khách hàng và phải thu khác	359,964,083,865	1,875,324,000	361,839,407,865
Cộng	399,499,777,705	1,875,324,000	401,375,101,705

30 CÁC THÔNG TIN KHÁC
30.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Không có khoản nợ tiềm tàng nào khác phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

30.2 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cứng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2019

Người lập biểu



Phạm Thị Mai Nương

Kế toán trưởng



Lê Thị Thuần

Tổng Giám Đốc



Phan Tấn Đạt